

1. Thực trạng những năm qua và vấn đề đặt ra

1.1 Thực trạng và xu hướng phát triển trong những năm đổi mới

Cà phê là một trong những mặt hàng xuất khẩu chủ lực của VN và là mặt hàng nông sản xuất khẩu đứng thứ hai về kim ngạch sau gạo. Hoạt động xuất khẩu cà phê VN bắt đầu từ trước đổi mới với số lượng ít (năm 1985 đạt 9,2 nghìn tấn) sang thị trường Liên Xô cũ và Đông Âu là chủ yếu. Sự nghiệp đổi mới đất nước, bắt đầu từ 1986, đã mở ra thời kỳ phát triển mới và xuất khẩu cà phê với số lượng ngày càng lớn, thị trường ngày càng mở rộng, lượng cà phê xuất

Những kết quả và tiến bộ của xuất khẩu cà phê VN trong những năm đổi mới tác động của nhiều nguyên nhân, khách quan và chủ quan:

Về khách quan: VN có thế mạnh về trồng cây cà phê do điều kiện đất đai và khí hậu thuận lợi. Đất đỏ bazan, rất thích hợp với cây cà phê được phân rộng khắp lãnh thổ, trong đó tập trung nhiều ở 2 vùng Tây Nguyên và Đông Nam Bộ với diện tích hàng triệu ha. Khí hậu nhiệt đới, gió mùa, lượng mưa phân bố đều các tháng trong năm, nhất là những tháng cà phê sinh trưởng. Cây cà phê cần hai yếu tố cơ bản là đất và nước thì cả hai yếu tố đó đều có ở VN, về

thành vùng cà phê tập trung là Tây Nguyên và Đông Nam Bộ, trong đó Đắk Lắk là tỉnh có diện tích và sản lượng cà phê lớn nhất, đồng thời cũng là địa phương có tốc độ tăng trưởng sản lượng cà phê nhanh nhất: năm 2002 đạt trên 420 nghìn tấn, tăng gấp 2,7 lần so với năm 1995 (150 nghìn tấn). Kế đến là Lâm Đồng, khoảng 150 nghìn tấn, Gia Lai 100 nghìn tấn và Đồng Nai 31 nghìn tấn. Chủ yếu là cà phê Robusta.

Cà phê VN là cây công nghiệp gắn với xuất khẩu rất chặt chẽ. Quy mô sản xuất luôn luôn phụ thuộc vào thị trường cà phê thế giới vì trên 95% cà phê sản xuất là để xuất khẩu. Nếu so với các năm trước đó, tốc độ tăng

Xuất khẩu cà phê của Việt Nam năm 2003

Thực tế và triển vọng

PGS. TS. NGUYỄN SINH CÚC

khẩu năm 1986 đạt 16,8 nghìn tấn, gấp gần 2 lần năm 1985 và từ đó tiếp tục tăng dần với số lượng ngày càng nhiều: năm 1990 đạt 89,6 nghìn tấn, năm 1995 đạt 248 nghìn tấn, năm 2000 đạt 694 nghìn tấn, cao nhất năm 2001 đạt 910 nghìn tấn và năm 2002 đạt 711 nghìn tấn. Từ năm 2000 đến năm 2002, VN đứng vị trí thứ 2 thế giới sau Indonesia về xuất khẩu cà phê Robusta, thứ 3 về xuất khẩu cà phê nói chung. Không chỉ tăng về số lượng, chất lượng và giá cả cũng ngày càng tiến bộ trên nhiều mặt: độ sạch, độ thơm ngon, chủng loại đa dạng, cơ cấu sản phẩm. Do vậy kim ngạch xuất khẩu có xu hướng tăng dần, năm cao nhất (1998) đạt 594 triệu USD, vượt kim ngạch xuất khẩu gạo trong năm đó. Thị trường xuất khẩu cà phê mở rộng trên 50 nước và vùng lãnh thổ, trong đó có 2 thị trường lớn là Singapore và Hồng Kông, cà phê VN cũng đã từng bước chiếm lĩnh một số thị trường khó tính như EU, Bắc Mỹ, Nhật Bản với số lượng ngày càng tăng.

thị trường nhu cầu tiêu dùng cà phê trên thế giới tăng nhanh.

Về chủ quan: Đường lối đổi mới kinh tế của Đảng và Nhà nước VN đã tạo môi trường thuận lợi và các điều kiện cần thiết để phát triển sản xuất và xuất khẩu cà phê.

Lịch sử phát triển cây cà phê ở VN đã có hàng trăm năm, nhưng phát triển nhanh với quy mô lớn, bắt đầu sau 1975, khi đất nước thống nhất và đi lên CNXH, nhưng tăng tốc thực sự từ khi đất nước bước vào thời kỳ đổi mới (1986). Nếu năm 1976 quy mô sản xuất cà phê mới chỉ có 19 nghìn ha diện tích và 6,1 nghìn tấn sản lượng thì năm 1986 lên tới 65,6 nghìn ha (trong đó 19,1 nghìn ha cho sản phẩm) và 18,8 nghìn tấn, năm 1999 là 397 nghìn ha và 486,8 nghìn tấn. Năm 2000 trên 430 nghìn ha và 680 nghìn tấn. Như vậy trong giai đoạn 1976-2000 diện tích cà phê tăng 21,6 lần và sản lượng tăng gấp 111,5 lần. Năm 2001 đạt mức cao nhất: diện tích 565 nghìn ha, sản lượng 841 nghìn tấn cà phê nhân khô. Đã hình

thành vùng xuất khẩu cà phê VN là đột biến: 1990 - 2001: sản lượng cà phê xuất khẩu tăng 10 lần, tốc độ tăng bình quân 9%/năm. Giá trị xuất khẩu cà phê nhiều năm liền đứng vị trí thứ 2 về xuất khẩu nông sản sau gạo, nhưng có năm do giá cà phê thị trường thế giới tăng, nên giá trị xuất khẩu cà phê đã vượt giá trị xuất khẩu gạo (1998). Những năm 1995 - 1998 cà phê được giá càng làm cho cơ sở đất cà phê Tây Nguyên lên cao. Rừng Tây Nguyên và Đông Nam Bộ bị chặt phá để chuyển sang trồng cà phê với quy mô mỗi năm vài chục nghìn ha. Nhân dân vùng Tây Nguyên, nhất là Đắk Lắk, Lâm Đồng giàu lên nhờ cây cà phê, nhờ giá cà phê thế giới đứng ở mức cao. Lợi thế xuất khẩu cà phê trong những năm đó được coi là phát huy tối đa nên từ nông trường, lâm trường đến nhân dân ở các thành phố, thị xã trong vùng và cả TP.HCM đổ về Tây Nguyên để kinh doanh cà phê. Tình hình mua, bán, cầm cố, sang nhượng vườn cà phê trở nên phổ biến và sôi

động. Phong trào đầu tư thâm canh cà phê cũng được đẩy lên cao, nên năng suất cà phê nước ta từ 1 tấn/ha thời kỳ đầu 1990 tăng lên 1,5/ha thời kỳ 1996 – 2002. Do vậy, đến năm 2001 sản lượng cà phê xuất khẩu đạt 910 nghìn tấn cao nhất từ trước đến 2001. Do giá cà phê thế giới giảm mạnh, giá cà phê VN giảm liên tục từ 1999 đến năm 2002, sản xuất cà phê giảm mạnh, nhất là ở Tây Nguyên. Nhiều diện tích cà phê bị chặt hạ, chuyển sang cây trồng khác, một số vườn cà phê không được chăm sóc như trước. Do vậy diện tích cà phê năm 2002 giảm còn 535 nghìn ha, trong đó 474 nghìn ha cho sản phẩm, sản lượng còn 699 nghìn tấn chỉ bằng 82% so với năm 2001. Xu hướng đó tiếp tục đến đầu năm 2003 dù cho giá cà phê bắt đầu tăng trở lại. Tình hình giá cà phê không ổn định chủ yếu do biến động của thị trường cà phê thế giới trong bối cảnh cung lớn hơn cầu.

Sản lượng cà phê toàn thế giới vụ cà phê 1990 – 1991 là 5,586 triệu tấn, trong đó cà phê Arabica chiếm 75,6%, còn cà phê Robusta chiếm 24,4%. Từ năm 1990 trở lại đây, tỷ lệ này tương đối ổn định, dạng sản phẩm được xuất khẩu trên thị trường thế giới chủ yếu là cà phê nhân sống. Lấy số liệu năm 1990 làm thí dụ, lượng cà phê đã xuất khẩu là 4,788 triệu tấn, trị giá 6,73 tỷ USD, trong đó:

- Cà phê nhân sống, chiếm 95,2%
- Cà phê rang rất ít, chiếm 0,1%
- Cà phê hòa tan, chiếm 4,7%

Giá cà phê trên thị trường thế giới không ổn định, lên xuống thất thường. Năm 1992 đã có lúc giá cà phê Robusta chỉ còn 600 USD/tấn. Nhưng đến năm 1994 giá cà phê Robusta lại tăng vọt, có thời điểm đạt 4.000 USD/tấn. Giá cả diễn biến phản ánh tình hình cung cầu cà phê trên thế giới và tình hình tồn kho ở các nước tiêu thụ. Năm 1998 do hậu quả của hạn El Nino, sản lượng cà phê thế giới giảm nên giá cà phê tăng 23% so 1997 nhưng 1999 và 2000 lại giảm sút lớn. Đến tháng 12.2000, giá cà phê nhân ở VN rất xuống mức dưới 5 nghìn đồng/kg thấp nhất từ trước đến nay.

Trong 70 nước sản xuất cà phê thì VN cách đây 20 năm còn đứng vị

trí rất thấp, hàng năm xuất khẩu 5.000 – 6.000 tấn, ngoài việc trao đổi hàng hóa với Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu cũ, còn lại một lượng nhỏ được bán cho các thương gia ở hai thị trường Singapore và Hồng Kông. Ngày nay cà phê VN đang trực tiếp xuất sang hơn 50 nước và vùng, lãnh thổ với khối lượng lớn đứng hàng thứ 2 trên thế giới. Mức tăng trưởng lượng cà phê xuất khẩu hàng năm khá lớn. Có thể xem số liệu xuất khẩu cà phê của nước ta từ vụ cà phê 1992 – 1993 đến niên vụ 2002 – 2003.

Niên vụ	Lượng xuất khẩu (nghìn tấn)	Tốc độ tăng (%)
1992 - 1993	130,5	65,0
1993 - 1994	158,5	21,5
1994 - 1995	212,0	33,7
1995 - 1996	233,0	9,8
1996 - 1997	346,0	48,5
1997 - 1998	382,0	10,4
1999 - 2000	660,0	72,7
2000 - 2001	910,0	37,8
2001 - 2002	710,0	-22
2002 - 2003	700 - 715	0
(ước)		

Kim ngạch xuất khẩu còn tùy thuộc vào giá cả, có năm ngành cà phê đã thu được gần 600 triệu USD. Từ 1999 đến 2002, dù giá cà phê giảm nhưng nhờ lượng xuất khẩu tăng nhanh nên kim ngạch xuất khẩu cà phê vẫn giữ ổn định ở mức cao; 1998: 593,8 triệu USD, 1999: 585,3 triệu USD và năm 2000 giá cà phê giảm sút lớn, nhưng nhờ lượng tăng 72% nên kim ngạch xuất khẩu vẫn đạt trên 500 triệu USD. Tuy nhiên, từ năm 2001, ưu thế lấy lượng bù giá không còn, giá cà phê giảm đến mức thấp nhất nên dù lượng đạt đến mức kỷ lục nhưng giá cũng giảm khoảng 50% so với năm 1995 – 1998. năm 2002 giá tuy có nhích lên nhưng cũng chưa đạt mức năm 2000.

Với lượng hàng hóa lớn như vậy, VN đã thực sự có ảnh hưởng to lớn đến giá giao dịch của cà phê Robusta trên thị trường thế giới. Có thể nói giá cà phê Robusta trên thế giới tăng giảm theo mùa vụ thu hoạch cà phê của VN và Indonesia.

Trong tình hình diễn biến phức tạp của thị trường với sự cạnh tranh gay gắt, ngành cà phê của VN đạt được những kết quả đáng khích lệ, tăng trưởng nhanh. Tuy nhiên trên bước đường phát triển và hội nhập với thế giới cà phê VN đã và đang bộc lộ những nhược điểm và hạn chế từ sản xuất đến xuất khẩu. Đó là những vấn đề đặt ra cần được nghiên cứu để tìm giải pháp phù hợp cho sản xuất và xuất khẩu.

1.2 Những vấn đề đặt ra

Vấn đề đặt ra lớn nhất trong xuất khẩu cà phê VN hiện nay là tính bền vững chưa cao. Những năm gần đây tuy sản lượng xuất khẩu nhanh nhưng giá cả không ổn định, trong đó một số năm giảm sút lớn nên kim ngạch xuất khẩu tăng chậm hoặc giảm sút. Vấn đề này có liên quan đến sản xuất, chế biến và xuất khẩu, trong đó tính tự phát trong sản xuất, dẫn đến cung vượt cầu, công nghiệp chế biến bảo quản sau thu hoạch chưa đáp ứng được yêu cầu tăng sản lượng và nâng cao chất lượng, thị trường xuất khẩu chưa ổn định. Cụ thể là:

- Nhược điểm lớn nhất trong sản xuất là thiếu quy hoạch và kế hoạch. Tình trạng tự phát, manh mún không gắn với thị trường diễn ra phổ biến nhất là vùng Tây Nguyên, dẫn đến hậu quả cung vượt cầu lớn, giá cả giảm làm giảm thu nhập của người sản xuất, gây khó khăn cho doanh nghiệp và Nhà nước trong xuất khẩu cà phê. Tình trạng sản xuất cà phê quảng canh, đốt nương làm rẫy còn phổ biến, vừa tàn phá tài nguyên rừng, gây xói mòn đất, vừa làm giảm nguồn nước, giảm khả năng thâm canh cà phê.

- Cơ cấu sản xuất chưa hợp lý, tập chung quá lớn vào cà phê Robusta trong khi đó lại chưa quan tâm mở rộng cà phê Arabica là loại cà phê đang được thị trường ưa chuộng, giá cao. Những năm gần đây tuy một số doanh nghiệp có quan tâm chuyển đổi cơ cấu sản xuất theo hướng tăng diện tích cà phê Arabica nhưng giải pháp chưa đồng bộ nên kết quả thấp.

- Chất lượng sản phẩm cà phê còn thấp chưa tương xứng với lợi thế

về đất đai, khí hậu VN, còn khoảng cách xa với yêu cầu của thị trường thế giới. Xu hướng chạy theo năng suất và sản lượng, nên không ít doanh nghiệp và hộ gia đình không quan tâm đến chất lượng sản phẩm, để lẫn nhiều tạp chất, cà phê chưa chín, công nghệ phơi sấy, bảo quản lạc hậu.

- Chưa gắn sản xuất với chế biến, thu mua, xuất khẩu. Thực trạng hiện tại là người sản xuất chỉ biết sản xuất, còn các khâu sơ chế, chế biến, thu gom, xuất khẩu hoàn toàn do các doanh nghiệp, tư thương lo liệu. Tình hình trên đã dẫn đến hậu quả sản lượng cà phê ứ đọng lớn, chất lượng và giá cả giảm, một số năm nhà nước phải bù lỗ lãi suất ngân hàng để mua cà phê tạm trữ xuất khẩu. Tình trạng thiếu thông tin thị trường diễn ra phổ biến kéo dài từ nhiều năm nhưng vẫn chưa có giải pháp đồng bộ.

- Tổ chức, quản lý, thu mua cà phê còn nhiều bất cập. Hiệp hội cà phê chỉ quản lý được một phần sản phẩm của các doanh nghiệp sản xuất cà phê, chủ yếu thuộc tổng công ty cà phê VN, còn đại bộ phận cà phê hộ gia đình do tư thương chi phối. Việc chưa hình thành tập đoàn xuất khẩu cà phê VN cho đến nay là một nhược điểm về tổ chức và quản lý cần được xem xét. Ở Brazil, Ủy ban các nhà xuất khẩu cà phê Brazil (Cecafe) đã được thành lập từ lâu, đang chỉ đạo có hiệu quả mọi hoạt động xuất khẩu cà phê nước này, đồng thời có ảnh hưởng rất lớn đến thị trường cà phê thế giới.

Do những nhược điểm trên nên sức cạnh tranh của cà phê VN trên thị trường thế giới còn thấp về chất lượng, giá thành cao và chủng loại sản phẩm đơn điệu. Những yếu kém và nhược điểm trên đây chưa phải là tất cả nhưng đó là những thách thức lớn đối với xuất khẩu cà phê VN trong giai đoạn hội nhập với thị trường thế giới.

2. Dự báo năm 2003

Những nhược điểm và hạn chế trong sản xuất và xuất khẩu cà phê VN chưa có dấu hiệu giảm, ngược lại có xu hướng tăng lên trong những năm tới do thị trường và giá cả phê thế giới tiếp tục biến động mạnh.

Theo dự đoán mới nhất của Tổ chức cà phê quốc tế (IOC), sản lượng cà phê sản xuất toàn thế giới trong niên vụ 2002 – 2003 (từ tháng 10.2002 đến tháng 9.2003) sẽ đạt 117,48 triệu bao (1 bao = 60kg) tăng 6,3% so với niên vụ trước, trong đó cà phê Arabica tăng 6,3%, cà phê Robusta tăng 2%. Cơ cấu cà phê thay đổi theo chiều hướng tăng tỷ trọng cà phê Arabica từ 65,4% niên vụ trước lên 67,1% niên vụ này; cà phê Robusta giảm từ 34,6% xuống còn 32,9%. Brazil sản xuất 47,16 triệu bao, tăng 41,8%, các nước còn lại giảm 5 – 24%, trong đó VN còn 10,3 triệu bao; giảm 2 triệu bao và đứng vị trí thứ 3 sau Brazil và Colombia.

Tình hình xuất khẩu cà phê thế giới năm 2002 đạt 88,6 triệu bao, giảm 10% so với năm 2001, trong đó giảm mạnh nhất là cà phê Robusta còn 31,6 triệu bao giảm 2 triệu bao (+0,4%). Brazil đứng vị trí thứ 1: 27,7 triệu bao, tăng 4,8 triệu bao (21%). VN đứng thứ 2: 11,8 triệu bao, giảm 2,1 triệu bao (-15%) và Colombia 10,3 triệu bao, tăng 0,3 triệu bao đứng thứ 3. Các nước còn lại lượng xuất khẩu thấp, tăng giảm không lớn, không ảnh hưởng đến thị trường thế giới. Indonesia xuất khẩu 6,2 triệu bao, tăng 0,9 triệu bao. Ấn Độ 3,4 triệu bao, giảm 0,3 triệu bao; Mexico 2,9 triệu bao giảm 0,5 triệu bao; Guatemala 3,36 triệu bao tăng 0,3 triệu bao.

Dự báo năm 2003, theo Ủy ban các nhà xuất khẩu cà phê Brazil (Cecafe), lượng cà phê xuất khẩu thế giới đạt từ 85 – 86 triệu bao, giảm so với 88,6 triệu bao năm 2002. Nguyên nhân do Brazil sản xuất niên vụ 2003 – 2004 (từ tháng 7.2003 – tháng 6.2004) giảm mạnh (-40,2%), còn 28,2 triệu bao. Điều này làm cho xuất khẩu cà phê Brazil 6 tháng cuối năm 2003 giảm mạnh và dự đoán cả năm 2003 giảm 9% so với năm 2002, còn 25,5 triệu bao, trong đó cà phê hạt còn 23 triệu bao giảm 9,6%; cà phê hòa tan 2,5 – 2,6 triệu bao so với 2,54 triệu bao năm 2002.

Ở VN, sản xuất và xuất khẩu cà phê năm 2003 tiếp tục có xu hướng giảm: 4 tháng đầu năm 2003, cà phê xuất khẩu chỉ đạt 227 nghìn tấn,

giảm 28,3%, nhưng doanh thu đạt 161 triệu USD tăng 41,6% so cùng kỳ năm 2002. Nguyên nhân của tình hình giảm sút này là do lượng cà phê sản xuất năm 2002 giảm, đầu năm 2003, năng hạn kéo dài ở khu vực Tây Nguyên, nhất là Đắk Lắk (40 nghìn ha thiếu nước tưới, trong đó có 2,4 nghìn ha mất trắng) làm giảm năng suất và sản lượng cà phê. Dự báo, sản lượng cà phê sản xuất và xuất khẩu của VN năm 2003 khó có thể đạt mức năm 2002, dù cho giá cà phê có xu hướng tăng lên. Quan hệ cung – cầu cà phê thế giới có sự thay đổi theo hướng cung ít hơn cầu, do Brazil và VN đều có xu hướng giảm sản lượng sản xuất và xuất khẩu. Từ năm 2003 thị trường cà phê thế giới sẽ sôi động trở lại, giá cà phê sẽ tiếp tục tăng và xu hướng này sẽ tác động đến sản xuất cà phê ở VN, nhất là vùng Tây Nguyên. Dự báo diện tích cà phê trồng mới sẽ tiếp tục tăng, nhất là cà phê hộ gia đình, diện tích cà phê hiện có sẽ được bảo vệ và đầu tư thâm canh cao hơn. Tình trạng phá rừng trồng cà phê ở Tây Nguyên lại có khả năng tái diễn. Và như vậy năm 2004 – 2005, cùng với sự khôi phục cà phê Brazil và cà phê VN, tình trạng cung vượt cầu lại tái diễn, giá cà phê sẽ giảm. Điệp khúc “được mùa mất giá” trong ngành cà phê lại có khả năng tái diễn. Những nhược điểm và yếu kém trong sản xuất và xuất khẩu cà phê VN sẽ có xu hướng tăng lên.

Để từng bước tiến tới khắc phục những nhược điểm và yếu kém đó nhằm phát huy lợi thế và ưu điểm của cà phê VN trong những năm tới nhất thiết phải hoàn thiện chính sách, giải pháp và chiến lược phát triển cà phê đồng bộ tự sản xuất, chế biến và xuất khẩu.

Vì vậy vấn đề ổn định thị trường cà phê VN từ sản xuất đến chế biến và xuất khẩu bằng chính sách, giải pháp và chiến lược phát triển của nhà nước có ý nghĩa quyết định. Tăng cường vai trò của Nhà nước trong sản xuất và xuất khẩu cà phê VN là điều kiện tiên quyết đảm bảo sự phát triển cà phê theo hướng bền vững, ổn định lâu dài ■